

## **THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐỊA LÝ (GIS) TRONG VIỆC QUẢN LÝ VÀ BẢO TỒN CÁC DI SẢN VĂN HÓA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

VŨ TIẾN DŨNG\*

*1- GIS và tiềm năng ứng dụng của GIS trong việc quản lý và bảo tồn các di sản văn hóa ở Việt Nam*

Hiện nay, công nghệ thông tin đang phát triển mạnh mẽ, nhiều ứng dụng công nghệ tiên tiến trước đây chỉ có ở các nước phát triển thì nay đã được ứng dụng rộng rãi ở nhiều nước, trong đó có Việt Nam. Hệ thống thông tin địa lý-GIS (geographic information system) là một công nghệ tiên tiến, đánh dấu một bước phát triển đột phá về phương tiện, đã được ứng dụng ở nhiều lĩnh vực, ngành nghề và phần nào đã trở thành một công cụ trợ giúp đắc lực trong nhiều hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng của nhiều quốc gia trên thế giới. Tại Việt Nam, mặc dù được biết đến từ khá sớm, nhưng mãi phải đến sau năm 2000, tức sau khi có được những kết quả đầu tiên về việc tổng kết chương trình GIS quốc gia, GIS mới thực sự được chú ý đến và bắt đầu phát triển. Hiện đã có một số chương trình nghiên cứu, ứng dụng GIS, với sự tham gia của nhiều trường đại học, viện nghiên cứu cùng các chuyên gia trong và ngoài nước được triển khai.

Hiểu một cách đơn giản, GIS là một công cụ dựa trên máy tính để thiết lập bản đồ và phân tích các đối tượng tồn tại, các sự kiện xảy ra trên trái đất. Một hệ thống GIS là sự kết hợp của 5 thành phần: phần cứng, phần mềm, dữ liệu, con người và cách thức làm việc (hardware, software, data, people and methods).

Hardware là máy tính được sử dụng để thực hiện GIS. Ngày nay, phần mềm GIS chạy được trên nhiều chủng loại phần cứng khác nhau, từ các máy chủ trung tâm (servers) tới các máy tính cá nhân (desktop, laptop) được sử dụng riêng lẻ hoặc nối mạng. Software là các phần mềm GIS cung cấp các chức năng và các công cụ cần thiết để lưu trữ, phân tích và hiển thị thông tin địa lý. Các thành phần software như sau: Các công cụ để nhập (input) và thao tác (manipulation) trên thông tin địa lý. Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu (database management system - DBMS). Các công cụ (tools) để thực hiện truy vấn, phân tích và thể hiện địa lý (query, analysis, visualization). Giao diện đồ họa với người sử dụng (graphical user interface- GUI) để dễ dàng truy cập các công cụ (tools). Dữ liệu (data) là thành phần quan trọng nhất của GIS. Thông tin địa lý và dữ liệu thuộc tính có thể tự tạo ra hoặc có thể mua từ các nhà cung cấp dữ liệu khác. Cơ sở dữ liệu của một hệ GIS có thể dùng các mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ để lưu trữ các thông tin không gian và thuộc tính của đối tượng. People and methods có nghĩa là hệ thống GIS phải có con người để quản lý hệ thống và phát triển các kế hoạch để áp dụng và giải quyết các vấn đề trong thế giới thực. Những người sử dụng GIS là những chuyên gia kỹ thuật, những người thiết kế và bảo trì hệ thống.

Tại sao cần thiết phải ứng dụng GIS trong việc quản lý và bảo tồn các di sản văn hóa? Câu hỏi này sẽ được giải đáp khi chúng ta hiểu

\* CỤC DI SẢN VĂN HOÁ



GIS có thể thực hiện được những công việc cụ thể nào?

Thứ nhất, thực hiện các phép hỏi đáp và phân tích không gian, các phép đo lường như đo khoảng cách, chu vi, diện tích... của các đối tượng trong không gian. Các di sản văn hóa trên mặt đất, dưới lòng đất hoặc dưới nước được định vị, đo đạc và khanh vùng bảo vệ một cách chính xác nhờ ứng dụng GIS.

Thứ hai, cải thiện mối liên kết giữa các tổ chức. Rất nhiều tổ chức đã sử dụng GIS nhận thấy rằng, một trong những lợi ích chính của nó là tăng khả năng quản lý các tổ chức và tài nguyên của mình. Vì GIS có khả năng liên kết các dữ liệu với nhau nhờ thông tin địa lý, nó làm cho các thông tin liên ngành được chia sẻ và truyền thông dễ dàng. Bằng cách chia sẻ cơ sở dữ liệu, ngành Di sản văn hóa có thể sử dụng được kết quả từ công việc của một tổ chức khác tức là dữ liệu được thu thập một lần và được sử dụng nhiều lần.

Thứ ba, giúp cho lãnh đạo ngành Di sản văn hóa có thể đưa ra các quyết định tốt hơn. Tuy nhiên, GIS không phải là một hệ thống tự động đưa ra các quyết định mà chỉ có các công cụ để hỏi đáp, phân tích và bản đồ hóa các thông tin trong việc hỗ trợ quá trình đưa ra các quyết định. GIS có thể được sử dụng để lựa chọn khu vực phát triển mới mà ít ảnh hưởng tới môi trường nhất, nó có thể tìm được các khu vực ít rủi ro nhất và gần trung tâm dân cư nhất. Thông tin có thể được thể hiện cô đọng và sáng sủa ở dạng bản đồ và có kèm theo bản báo cáo, cho phép những người đưa ra quyết định tập trung vào trọng tâm của vấn đề hơn. Vì những sản phẩm GIS có thể được đưa ra một cách nhanh chóng, nhiều tình huống có thể đánh giá một cách hiệu quả và sâu sắc.

Thứ tư, thành lập bản đồ di sản văn hóa. Bản đồ có một ý nghĩa đặc biệt trong GIS. Quá trình thành lập bản đồ với GIS sẽ linh hoạt hơn nhiều so với quá trình làm bản đồ theo công nghệ truyền thống. Nó được bắt đầu bằng việc tạo ra cơ sở dữ liệu. Các bản đồ giấy hiện có được số hóa và các thông tin phù hợp với máy tính được chuyển đổi vào GIS. Một hệ GIS được thành lập như vậy có tính liên tục và không có tỷ lệ. Từ đấy các bản đồ có thể được tạo ra tại bất cứ vị trí nào, theo bất cứ tỷ lệ nào và có thể

thể hiện thông tin bằng các biểu tượng hay nhấn mạnh về màu sắc, ánh sáng. Các đặc tính của thông tin cơ bản về bản đồ địa lý (atlas) và bản đồ giấy được mã hóa trong chương trình máy tính sẽ được cập nhật với các tư liệu gốc trong lần sản xuất cuối cùng. Từ cơ sở dữ liệu ta có thể tạo các bản đồ bằng cách copy và in ấn.

Trên lãnh thổ trải dài hình chữ S - đất nước Việt Nam có 54 tộc người sinh sống, với một bề dày lịch sử, hầu như ở đâu cũng có các điểm, các vùng di sản văn hóa. Về di tích và danh thắng, hiện cả nước có khoảng hơn 4 vạn di tích và danh thắng đã được kiểm kê, trong đó có 3.168 di tích và danh thắng đã được xếp hạng quốc gia, 6 di tích và danh thắng được UNESCO công nhận là di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới. Về bảo tàng, cả nước đang có khoảng hơn 140 bảo tàng thuộc các loại hình khác nhau như: Lịch sử tự nhiên, Lịch sử xã hội, Khoa học kỹ thuật, Nghệ thuật, ... Tại các bảo tàng và các di tích trên toàn quốc hiện nay có khoảng trên 3 triệu hiện vật được lưu giữ, ngoài ra còn có khoảng trên 1 triệu hiện vật nằm trong các bảo tàng và sưu tập tư nhân. Về di sản văn hóa phi vật thể, với bề dày truyền thống lịch sử và phong tục tập quán phong phú, đa dạng của 54 tộc người đã tạo nên hàng vạn điểm, vùng di sản văn hóa phi vật thể trên khắp cả nước, trong đó có 5 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO công nhận. Sự phong phú, đa dạng về di sản văn hóa đó nếu được phát huy tốt sẽ là một nguồn tài nguyên quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Chính vì vậy, việc ứng dụng GIS để xây dựng hệ thống thông tin địa lý di sản văn hóa quốc gia nhằm quản lý tốt và phát huy hiệu quả các nguồn lực trên là một mục tiêu quan trọng của ngành Di sản văn hóa. Hi vọng rằng, trong một tương lai không xa, hệ thống thông tin địa lý di sản văn hóa quốc gia hoàn thiện sẽ giúp cho việc quản lý bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa được thuận lợi, đảm bảo và chính xác hơn.

*2- Thực trạng ứng dụng GIS trong quản lý và bảo tồn di sản văn hóa ở Việt Nam - khó khăn và thách thức*

Hiện nay, GIS đã được ứng dụng rộng rãi trong nhiều ngành nghề ở Việt Nam, nhưng với



ngành Di sản văn hóa vẫn còn là vấn đề mới mẻ, nhiều tiềm năng nhưng đầy thách thức. Đã có một số dự án được thực hiện như: Dự án "Ứng dụng GIS thí điểm lập bản đồ và thống kê di sản văn hoá Champa tại Việt Nam"; Dự án "Điều tra, đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn xã Cổ Loa phục vụ công tác bảo tồn và phát triển du lịch"; Dự án "Quản lý và phát huy di sản làng nghề thủ công ở Thừa Thiên Huế", Dự án "Ứng dụng GIS trong bảo tồn di sản thế giới Thánh địa Mỹ Sơn", Dự án "Ứng dụng GIS trong bảo tồn di sản thế giới Phố cổ Hội An"... Tuy nhiên, hầu hết các dự án này còn sơ khai, mang tính chất thử nghiệm hoặc quy mô nhỏ hẹp nên hiệu quả tương đối thấp. Một trường hợp ngoại lệ, đó là Dự án "Ứng dụng GIS trong quản lý di sản văn hóa ở Cố đô Huế" của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế, với số vốn đầu tư hơn 30 tỷ đồng đã phát huy hiệu quả của GIS trong quản lý di sản văn hóa. Khách du lịch bước đầu được cung cấp thêm công cụ tìm kiếm đường đặc lược, nhà quản lý cũng đã có được những cái nhìn tổng thể về phát triển du lịch Huế để chuẩn bị cho những chiến lược dài hơn trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Cố đô Huế...

Được đánh giá là rất thành công trong việc ứng dụng GIS trong ngành Di sản văn hóa là đề tài "Ứng dụng GIS trong quản lý di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long" do Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ninh, Viện Tài nguyên môi trường biển và Ban Quản lý di tích vịnh Hạ Long phối hợp thực hiện. Với số vốn đầu tư không quá lớn nhưng sản phẩm của đề tài đã phát huy hiệu quả trong việc quản lý di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long. Sản phẩm chính của đề tài là hệ thống thông tin địa lý khu vực vịnh Hạ Long, một công cụ hữu ích để theo dõi, quản lý về tài nguyên, môi trường và kinh tế - xã hội vùng di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long. Ứng dụng phần mềm ArcGIS 9.3 để xây dựng bản đồ nền tỷ lệ 1:50.000, hệ tọa độ tiêu chuẩn VN 2000 và các lớp bản đồ như: Bản đồ địa mạo; Bản đồ địa chất; Bản đồ rừng mưa nhiệt đới; Bản đồ rừng ngập mặn; Bản đồ san hô; Bản đồ cỏ biển; Bản đồ tùng áng; Bản đồ bãi triều; Bản đồ hang động; Bản đồ điểm nuôi trồng thủy sản; Bản đồ đầm nuôi trồng thủy sản; Bản đồ di tích văn

Vũ Tiến Dũng: *Thực trạng ứng dụng...*

hoá, lịch sử, di chỉ khảo cổ; Bản đồ dân cư trên vịnh; Bản đồ các tuyến du lịch trên vịnh; Bản đồ các điểm đỗ nghỉ trên vịnh; Bản đồ các tuyến hàng hải qua vịnh; Bản đồ chất lượng môi trường nước, như vị trí trạm quan trắc, nhiệt độ, độ mặn, độ đục, pH, dầu, kim loại nặng,... trên vịnh; Bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Bản đồ các điểm đỗ thả trên vịnh; Bản đồ bãi biển... Trên cơ sở ứng dụng GIS, đề tài cũng đã thu thập ảnh viễn thám và xây dựng khóa giải đoán, xử lý ảnh viễn thám. Đề tài cũng đã hệ thống hóa, tổng hợp và đánh giá, chuẩn hóa nguồn tài liệu từ các đề tài dự án, các báo cáo sẵn có đã được thực hiện tại khu vực vịnh Hạ Long và lân cận để xây dựng các cơ sở dữ liệu.

Theo chúng tôi, những khó khăn và thách thức đặt ra cho ngành Di sản văn hóa trong việc ứng dụng GIS là:

Thứ nhất, nguồn vốn đầu tư còn nhỏ lẻ và manh mún, chưa thực sự có sự đầu tư lớn cho các dự án. Phải khẳng định rằng, GIS là một thứ công nghệ đắt tiền và đòi hỏi đầu tư cao. Nhưng vì sự đầu tư chưa đủ lớn nên các dự án GIS mới chỉ đặt ra các mục tiêu đơn giản, đôi khi chỉ là việc in ra được một bản đồ trên giấy với tỉ lệ xác định.

Thứ hai, vấn đề về nhân lực. Rõ ràng, dù đã có mặt ở Việt Nam nhiều năm nay, nhưng GIS vẫn còn là một công nghệ khá mới mẻ đối với lãnh đạo, cán bộ, nhân viên trong ngành Di sản văn hóa. Cũng phải khách quan nhìn nhận rằng, trình độ của cán bộ, nhân viên trong ngành Di sản văn hóa về công nghệ thông tin còn rất hạn chế, chưa kể đến công nghệ GIS.

Thứ ba, vấn đề cát cứ thông tin, không chịu chia sẻ thông tin, một đặc tính vốn đã ăn sâu trong nếp nghĩ của nhiều bộ phận, ban, ngành, tỉnh, thành của Việt Nam. Để xây dựng thành công GIS, chi phí để đầu tư cho công nghệ bao gồm cả thiết bị và phần mềm chỉ chiếm khoảng 20 - 30% tổng chi phí đầu tư. Khoản tốn kém nhất là chi phí để thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu. Nếu như ở các nước phát triển, thông tin thường đã được tích hợp sẵn dưới dạng các tài nguyên thông tin số, việc thu thập thông tin này tuy có khó khăn nhưng sẽ đơn giản hơn rất nhiều. Tuy nhiên, ở Việt Nam, việc này lại thực sự là một thách thức không hề nhỏ. Một ví dụ như trường hợp ở Thừa



Thiên - Huế, mặc dù đã có được lời hứa từ những lãnh đạo cao cấp nhất của tỉnh, dù việc cung cấp thông tin cho Dự án "Ứng dụng GIS trong quản lý di sản văn hóa ở cố đô Huế" đã được ghi cả vào nghị quyết nhưng thực tế các đơn vị quản lý thông tin như văn hóa, du lịch, kinh tế... đều không mặn mà gì lắm với việc cung cấp thông tin cho những người thực hiện dự án. Đó là chưa kể, nhiều khi có được thông tin rồi nhưng thông tin lại thiếu chính xác, thiếu khách quan, thiếu cập nhật..., trong khi yêu cầu sử dụng GIS đòi hỏi tất cả các thông tin cung cấp phải chính xác ở mức cao nhất.

Như vậy, để ứng dụng thành công GIS vào ngành Di sản văn hóa, chúng ta sẽ phải vượt qua rất nhiều khó khăn, trở ngại. Sự quan tâm, đầu tư của các cấp lãnh đạo, sự chú trọng đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ và đặc biệt là tâm lý cát cứ và không chia sẻ thông tin của các bộ phận lưu giữ thông tin hiện nay. Để vượt qua rào cản này chúng ta cần phải thay đổi nhận thức, phương thức sở hữu thông tin và có một cơ chế chính sách hợp lý... Và, để làm được điều này, rất cần những nhận thức, những quyết định táo bạo từ những người lãnh đạo và những thay đổi sâu sắc trong nhận thức của cộng đồng.

Vì vậy, để đẩy mạnh ứng dụng GIS một cách hiệu quả trong quản lý và bảo tồn di sản văn hóa, trước mắt chúng ta cần phải chú ý đầu tư một số mặt như:

Thứ nhất, tập hợp tài nguyên thông tin, chuẩn bị tốt cơ sở vật chất, kỹ thuật. Đó là việc đầu tư xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin, đẩy mạnh chuẩn hóa thông tin, xây dựng các hệ thống thông tin chuyên ngành về di sản văn hóa dưới các hình thức khác nhau để hình thành các cơ sở dữ liệu chuẩn ngành.

Thứ hai, phổ biến, giới thiệu cho lãnh đạo, cán bộ, nhân viên trong ngành về GIS và các ứng dụng của nó. Đào tạo, huấn luyện sử dụng, vận dụng GIS vào các công tác chuyên môn thông qua các phương tiện trực quan.

Thứ ba, tăng cường cộng tác liên ngành, giữa các chuyên gia kỹ thuật tin học và cán bộ chuyên môn di sản văn hóa. Bản thân công nghệ GIS đã là sự kết hợp giữa chuyên ngành Công nghệ thông tin và chuyên ngành Địa lý nhưng khi được ứng dụng vào một chuyên

ngành cụ thể như ngành Di sản văn hóa lại cần phải có sự kết hợp của các chuyên gia về quản lý và bảo tồn di sản văn hóa.

Thứ tư, tăng cường liên kết và hợp tác quốc tế, tận dụng kinh nghiệm và trình độ công nghệ của các tổ chức nước ngoài. Hiện nay, một số tổ chức quốc tế hoạt động trong lĩnh vực văn hóa đã đi sâu nghiên cứu GIS. Họ có nhiều chuyên gia giỏi, nhiều kinh nghiệm về ứng dụng GIS trong quản lý và bảo tồn di sản văn hóa. Chẳng hạn, Tổ chức UNESCO đã có một bộ phận chuyên môn nghiên cứu và phát triển các ứng dụng GIS, viết và xuất bản các sách giới thiệu về GIS và sử dụng GIS trong một số lĩnh vực cụ thể như văn hóa, khoa học và giáo dục. Ngay từ năm 1972, UNESCO đã phát động và thực hiện *Công ước Về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới*, đã đặt ra những tài liệu cơ sở áp dụng cho hầu hết các di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới thông qua GIS. UNESCO đưa ra 4 công đoạn trong việc quản lý và bảo vệ các di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới như: nghiên cứu - tập hợp tư liệu lịch sử và tư liệu mô tả các địa danh di sản; phân tích-kết luận về tình trạng vật chất của di sản văn hóa, ý nghĩa về mặt văn hóa, môi trường xã hội và chính trị tại khu vực có di sản; đối phó - chuẩn bị trùng tu và các chiến lược quản lý; thực hiện - thẩm định, đánh giá các chính sách quản lý di sản văn hóa. UNESCO cũng thành lập các tổ chức GIS theo từng khu vực, các trung tâm đào tạo GIS và cộng tác với các chính phủ nhằm nâng cao khả năng quản lý thông qua GIS.

*3- Kinh nghiệm từ Dự án "Ứng dụng GIS thí điểm lập bản đồ và thống kê di sản văn hóa Champa tại Việt Nam"*

Nằm trong chương trình hợp tác giữa Cục Di sản văn hóa và Văn phòng UNESCO Hà Nội, Dự án: "Ứng dụng GIS thí điểm lập bản đồ và thống kê di sản văn hóa Champa tại Việt Nam" đã được thực hiện trong 2 năm (2004 - 2005). Dự án được thực hiện theo 2 giai đoạn: Giai đoạn 1 được thực hiện trong năm 2004, là giai đoạn hội thảo, chuẩn bị các công cụ cần thiết; Giai đoạn 2 được thực hiện trong năm 2005, là giai đoạn tập huấn, hướng dẫn chi tiết cho các cán bộ trong ngành ở các tỉnh có di sản văn hóa Champa để tiến hành xây dựng bản đồ di



sản văn hóa Champa.

Tháng 5 năm 2004, Hội thảo - Tập huấn về lập bản đồ và thống kê di sản văn hóa Champa tại Việt Nam được tổ chức tại Mỹ Sơn, Quảng Nam. Hội thảo - Tập huấn này là bước đi đầu tiên trong chuỗi các nội dung công việc được tổ chức trong dự án hợp tác. Đối tượng tham gia Hội thảo - Tập huấn này gồm có lãnh đạo các đơn vị quản lý di sản văn hóa, các nhà nghiên cứu văn hóa Champa, các chuyên gia GIS và đồng đạo các cán bộ làm công tác nghiên cứu và quản lý di sản tại 14 tỉnh có di sản văn hóa Champa. Hội thảo - Tập huấn đặt ra 4 mục tiêu: Thứ nhất, cung cấp những bài học thực tiễn về những kỹ năng bảo tồn di sản văn hóa Champa cho cán bộ các tỉnh miền Trung có di sản văn hóa Champa; thứ hai, đưa ra những đánh giá và cái nhìn toàn diện về di sản Mỹ Sơn và những điểm di sản văn hóa Champa tại Việt Nam; thứ ba, giúp các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các đơn vị quản lý di sản ở các tỉnh này xây dựng các nguyên tắc chuẩn về bảo tồn di sản văn hóa Champa; thứ tư, đào tạo, nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ, chuyên viên tại các trung tâm bảo tồn và nghiên cứu văn hóa Champa. Cũng có thể nói rằng, mục đích của hội thảo là nhằm khám phá sự phát triển của một hoặc nhiều mô hình lập bản đồ văn hóa Champa cho khu vực miền Trung của Việt Nam. Hội thảo đã tạo cơ hội để khám phá xu hướng và suy nghĩ hiện thời về lập bản đồ văn hóa cũng như liên kết giữa nguồn bản đồ, di tích, du lịch, nghệ thuật, thiết kế công cộng và kế hoạch cộng đồng. Hội thảo tập trung vào những kiến thức mới nhất, những kỹ năng và kỹ thuật về thống kê di sản văn hóa Champa cho những người đang làm công tác quản lý và bảo tồn di sản văn hóa tại các địa phương. Qua đợt tập huấn này, các cán bộ địa phương có được những kiến thức, cách đánh giá toàn diện về di sản văn hóa Champa để nhận ra và đánh giá các nhân tố gây nguy hại cho các di sản và đề ra biện pháp để quản lý, bảo tồn di sản đó.

Thông qua hội thảo này, Văn phòng UNESCO Hà Nội đã phối hợp với Cục Di sản văn hóa xây dựng được phiếu thông tin di tích và phiếu thông tin hiện vật. Hai phiếu này cơ bản dựa trên cơ sở một số yếu tố của các phiếu đăng kí hiện vật đang được sử dụng trong việc

*Yū Tien Dũng: Thực trạng ứng dụng...*

quản lý hiện vật tại các bảo tàng và các cơ quan nghiên cứu ở Việt Nam. Tuy nhiên, để phù hợp với mục đích và nội dung của chương trình, một số yếu tố trong các phiếu đã có trước đây được lược bớt, một số yếu tố mới được bổ sung. Đặc biệt, phiếu thông tin di tích là một bước cải tiến nhằm tiêu chuẩn hóa tư liệu điền dã và giúp cho các cán bộ điều tra dễ dàng ghi chép và lưu ý đầy đủ các yếu tố và nội dung thông tin liên quan tới một di tích. Trong đó, yếu tố tọa độ là một tiêu chí quan trọng nhằm góp phần xây dựng bản đồ di sản dựa trên kết quả xác định GIS. Hai phiếu này sẽ là cơ sở để thu thập các dữ liệu về di sản văn hóa Champa, tiến tới đưa các thông tin này vào cơ sở dữ liệu, nhằm phục vụ tốt hơn cho việc quản lý, bảo tồn, nghiên cứu và phát huy giá trị của các di sản văn hóa Champa. Đây cũng là bước đặt nền móng quan trọng cho việc hệ thống hóa và đưa vào cơ sở dữ liệu các loại hình di sản văn hóa vật thể khác ở Việt Nam. Sau khi nhận được sự đóng góp ý kiến của các chuyên gia nghiên cứu và các cán bộ quản lý văn hóa tại các tỉnh có di tích văn hóa Champa, các yếu tố trong các phiếu đã được xem xét, cân nhắc nhằm đạt tới các tiêu chí rõ ràng, chính xác, đầy đủ những thông tin cần thiết và giản lược, tiện sử dụng. Được xây dựng kèm theo hai mẫu phiếu thông tin này là các bản hướng dẫn chi tiết cách điền phiếu và lược đồ quy trình miêu tả cho từng loại phiếu.

Tháng 5 năm 2005, Cục Di sản văn hóa và Văn phòng UNESCO Hà Nội liên tục mở các lớp tập huấn sử dụng GIS để lập bản đồ và thống kê di sản văn hóa Champa tại 3 tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên. Đoàn công tác đã đến Quảng Nam, Quảng Ngãi và Phú Yên từ ngày 17/5/2005 đến ngày 23/5/2005. Trong bài giảng tại lớp học, các chuyên gia đã cung cấp một số vấn đề tổng quan về di tích, di vật Champa trong cả nước; những phát hiện về di tích Champa trên địa bàn các tỉnh; một số đặc trưng riêng và tiêu biểu của di tích Champa; cách nhận biết các loại hình, niên đại, phong cách kiến trúc nghệ thuật của di tích Champa; hướng dẫn và giải thích để các học viên biết cách điền phiếu khảo sát di tích và phiếu đăng kí hiện vật; giải thích sự cần thiết và ý nghĩa của việc xác định vị trí điểm di



sản văn hóa Champa bằng thiết bị đo tọa độ địa lý GPS, đồng thời hướng dẫn các học viên cách thức tìm ra những yếu tố quan trọng trong các di tích văn hóa Champa để lựa chọn điểm đo tọa độ, phục vụ việc xây dựng bản đồ văn hóa Champa, đồng thời giới thiệu cho các học viên hiểu thế nào là GIS, thế nào là một bản đồ, những thành phần cơ bản của một bản đồ và cách thức để xây dựng một bản đồ. Hướng dẫn tìm hiểu các tính năng và cách sử dụng thiết bị đo tọa độ địa lý GPS. Hướng dẫn cách sử dụng phần mềm GIS để lập bản đồ di sản văn hóa Champa... Sau các bài giảng trên lớp học, đoàn chuyên gia cùng các học viên đến thực hành khảo sát di tích, điền phiếu thông tin và sử dụng máy GPS đo tọa độ địa lý tại các di tích: thành Trà Kiệu, tháp Chiên Đàn, Khu di tích Mỹ Sơn (Quảng Nam), thành Châu Sa, phế tích Gò Phố (Quảng Ngãi), thành Hồ, tháp Nhạn, Phế tích núi Một (Phú Yên). Các chuyên gia cũng đã hướng dẫn học viên nhập số liệu đã khảo sát vào phần mềm GIS để tiến hành lập bản đồ di sản văn hóa Champa trong tỉnh và hướng dẫn học viên khai thác thông tin đó trên bản đồ vừa xây dựng. Kết thúc lớp tập huấn, Cục Di sản văn hóa tiến hành bàn giao máy định vị tọa độ GPS nhãn hiệu GARMIN cho các đơn vị để cán bộ của các đơn vị tiếp tục triển khai xây dựng bản đồ di sản văn hóa

Champa trên địa bàn.

Từ thực tế đó, có thể khẳng định hiệu quả của việc thực hiện dự án thí điểm này đã mang lại hiệu quả là, lần đầu tiên, các đơn vị quản lý di sản văn hóa ở các tỉnh miền Trung được đầu tư trang thiết bị như máy GPS, phần mềm GIS và được tiếp cận và ứng dụng công nghệ GIS để xây dựng bản đồ số di sản văn hóa Champa nhằm bước đầu thu thập tư liệu và thống kê di sản văn hóa Champa phục vụ cho công tác quản lý và bảo tồn các di sản văn hóa Champa. Bản đồ số này được hoàn thiện sẽ là một cơ sở thông tin để các cơ quan nhà nước thực hiện quản lý có hệ thống các di tích Champa, đồng thời giới thiệu đến mọi người dân trong nước và bè bạn quốc tế, tạo điều kiện thu hút khách du lịch, phục vụ phát triển kinh tế khu vực miền Trung của Việt Nam. Mặt khác, di sản văn hóa Champa là một bộ phận của di sản văn hóa Việt Nam nên bản đồ di sản văn hóa Champa cũng là một lớp bản đồ (layer map) trên bản đồ di sản văn hóa Việt Nam. Do vậy, kinh nghiệm thu được từ việc thí điểm lập bản đồ và thống kê di sản văn hóa Champa đã đặt cơ sở đầu tiên, nhưng đặc biệt quan trọng, cho quá trình thiết lập bản đồ di sản văn hóa Việt Nam - một mục tiêu lớn mà ngành Di sản văn hóa đang hướng tới./.

V.T.D

## GIỚI THIỆU SÁCH

### MỘT CON ĐƯỜNG TIẾP CẬN DI SẢN VĂN HÓA (TẬP 5)

**D**i sản văn hóa là tài sản vô giá của lịch sử để lại, là mạch nối giữa quá khứ với hiện tại và tương lai. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Để góp phần tăng cường công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết và trao đổi kinh nghiệm thực tiễn về hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, trong nhiều năm qua, Cục Di sản văn hóa đã tiến hành tổ chức xuất bản được 05 tập sách *Một con đường tiếp cận di sản văn hóa*. Tập 1, xuất bản vào tháng 01 năm 2005; tập 2, xuất bản vào tháng 11 năm 2005; tập 3, xuất bản vào tháng 11 năm 2006, tập 4, xuất bản vào tháng 09 năm 2008, tập 5 - tập sách mới nhất, dày 502 trang,

bìa mềm, đã được xuất bản vào tháng 11 năm 2010.

Nội dung của các tập sách này được Ban Biên tập lựa chọn, tập hợp từ các bài viết đã từng được công bố trên Tạp chí Di sản văn hóa của các nhà nghiên cứu tâm huyết với ngành và cán bộ công tác trong ngành trên cả nước.

Cũng như các tập đã xuất bản của bộ sách, nội dung của *Một con đường tiếp cận di sản văn hóa (tập 5)* được chia làm các phần rõ rệt, từ các vấn đề lý luận chung đến di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể. Qua đây, Ban Biên tập đã tiếp cận vấn đề có phần mới hơn, sáng tạo hơn, dẫn dắt bạn đọc đi từ "Đường vào di sản văn hóa" (phần I, trang 9 - 123) đến "Lời nhắn gửi của ông cha" (phần II, trang 127 - 292) và "Tiếng gọi của quá khứ" (phần III, trang 295 - 497).

Các bài viết được tuyển chọn trong tập sách tiếp tục góp phần phác họa bức tranh đa màu sắc của di sản văn hóa Việt Nam, phần nào "giải mã"